

Số: 15/2021/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển
đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển
trên địa bàn tỉnh Cà Mau 05 năm giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10
tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định
cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 79/TTr-STC ngày
04 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 khi tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ.

2. Quyết định này không áp dụng đối với việc sử dụng khu vực biển vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Mức thu

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm là 18.000 đồng (mười tám nghìn đồng)/m³.

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng)/ha/năm.

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lấn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/ha/năm.

4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng)/ha/năm.

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/ha/năm.

6. Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ha/năm.

7. Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.

8. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng)/ha/năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2021.

2. Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2021 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Đ06.01) (01), Ktr305/7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi